

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách tỉnh năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách
tỉnh năm 2023;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2023, cụ thể như sau:

- Nguồn đầu tư tập trung: Điều chỉnh kế hoạch vốn 23.143,752 triệu đồng
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: Điều chỉnh kế hoạch vốn 17.035,768 triệu đồng

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban,

ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&ĐT, Bộ TC;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, K1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh Bình Định)

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/ Dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Điều chỉnh: Tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn NST				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	(11)
A	VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG								
	Điều chỉnh giảm						-23.143,752		
1	3500001 - Xây dựng cầu kết nối đến tháp Bánh Ít	Ban QLDA Giao thông tỉnh				100,000	-100,000	0,000	
2	7960506 - Trường Chính trị tỉnh (Khu hiệu bộ, Trang thiết bị, Hội trường 3 tầng, Khu nội trú, sân trường...)	Trường Chính trị	18/QĐ-SKHĐT; 18/01/2023	10.799	10.799	250,000	-250,000	0,000	
3	7913129 - Đường phía tây huyện Vân Canh (từ khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Becamex đến thị trấn Vân Canh)	Ban QLDA Giao thông tỉnh				500,000	-500,000	0,000	
4	8022116 - Cấp nước sinh hoạt Tây Bắc huyện Phù Cát và Tây Nam huyện Phù Mỹ	TT NS và VSMT nông thôn		208.869	202.406	2.000,000	-1.858,752	141,248	
5	2243721 - Nâng cấp nhà máy cấp nước Tây Giang -Tây Thuận cấp nước cho xã Bình Thành, huyện Tây Sơn	TT NS và VSMT nông thôn				1.000,000	-1.000,000	0,000	
6	9930279 - Bảo tàng Bình Định	Ban QLDA XD DD&CN		600.000	600.000	300,000	-300,000	0,000	
7	9000309 - Trụ sở LV công an xã Hoài Mỹ	UBND tx Hoài Nhơn			3.500	125,000	-125,000	0,000	
8	8302798 - Trụ sở làm việc CA xã Tây Phú - Huyện Tây Sơn	UBND huyện Tây Sơn				125,000	-125,000	0,000	
9	9000105 - Ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan Đảng 2021-2025 (DA 27)	VP Tỉnh ủy	156/QĐ-SKHĐT; 26/5/2021	11.506	11.506	1.200,000	-1.200,000	0,000	
10	6800077 - Trụ sở LV công an xã Hoài Phú	UBND tx Hoài Nhơn		3.159	1.750	500,000	-500,000	0,000	
11	6800078 - Trụ sở LV công an xã Hoài Mỹ	UBND tx Hoài Nhơn		3.500	1.750	500,000	-500,000	0,000	
12	3027552 - Trụ sở làm việc Công an xã Nhơn Tân	UBND tx An Nhơn		4.151	1.750	625,000	-625,000	0,000	
13	3027555 - Trụ sở làm việc Công an xã Nhơn Thọ	UBND tx An Nhơn		5.033	1.750	625,000	-625,000	0,000	
14	9000210 - Trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh Hòa	UBND huyện Vĩnh Thạnh		3.500	3.500	1.225,000	-1.225,000	0,000	
15	9000211 - Trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh Thịnh	UBND huyện Vĩnh Thạnh		4.100	3.500	1.225,000	-1.225,000	0,000	
16	9000212 - Trụ sở làm việc Công an thị trấn Vĩnh Thạnh	UBND huyện Vĩnh Thạnh		3.500	3.500	1.225,000	-1.225,000	0,000	
17	6800071 - Trụ sở LV công an xã Canh Thuận	UBND huyện Vân Canh		3.329	3.329	1.100,000	-1.100,000	0,000	
18	6800074 - Trụ sở LV công an xã Canh Hiệp	UBND huyện Vân Canh		3.409	3.409	1.100,000	-1.100,000	0,000	
19	3450641 - Trụ sở làm việc công an xã Phước Thành	UBND huyện Tuy Phước		6.476	1.750	625,000	-625,000	0,000	
20	3450643 - Trụ sở công an xã Phước Sơn	UBND huyện Tuy Phước		5.444	1.750	625,000	-625,000	0,000	
21	3450644 - Trụ sở làm việc công an xã Phước Hưng	UBND huyện Tuy Phước		5.138	1.750	625,000	-625,000	0,000	
22	6800082 - Trụ sở LV công an xã Mỹ Hòa	UBND huyện Phù Mỹ		3.465	1.750	500,000	-500,000	0,000	
23	6800083 - Trụ sở LV công an xã Mỹ Hiệp	UBND huyện Phù Mỹ		3.500	1.750	500,000	-500,000	0,000	

STT	Nguồn vốn/ Dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Điều chỉnh: Tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn NST				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	(11)
24	2230006 - Trụ sở làm việc công an xã Cát Hải	UBND huyện Phù Cát		3.500	1.750	625,000	-625,000	0,000	
25	2230010 - Trụ sở làm việc công an xã Cát Hưng	UBND huyện Phù Cát		3.500	1.750	625,000	-625,000	0,000	
26	9000214 - Trụ sở LV Công an xã Ân Mỹ	UBND huyện Hoài Ân		5.353	2.450	925,000	-925,000	0,000	
27	9000215 - Trụ sở LV Công an xã Ân Hào Tây	UBND huyện Hoài Ân		4.232	2.450	925,000	-925,000	0,000	
28	9000216 - Trụ sở LV Công an xã Ân Tường Đông	UBND huyện Hoài Ân		5.153	2.450	925,000	-925,000	0,000	
29	7850077 - Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở KH&ĐT	1824/QĐ-UBND ngày 8/6/2022	59.470	9.470	3.310,000	-2.660,000	650,000	
	Điều chỉnh tăng						23.143,752		
1	7962092 - Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Nhơn Hội – Nhơn Hải (đoạn từ Bãi Rỗi đến trạm bơm tăng áp Nhơn Hội)	BQL KKT tỉnh	321/QĐ-BQL ngày 19/7/2022	76.711	76.711	0,000	12.000,000	12.000,000	Thanh toán KLHT
2	7897473 - Tuyến Đường Kết Nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT 638) đến đường ven biển (ĐT 639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	Ban QLDA Giao thông tỉnh	4093/QĐ-UBND; 06/10/2021 3396/QĐ-UBND; 19/10/2022	818.593	418.593	0,000	8.598,970	8.598,970	Thanh toán KLHT
3	8019382 - Trường TH số 1 Bồng Sơn (HM: Nhà lớp học, nhà bộ môn 2 tầng 14 phòng)	UBND tx Hoài Nhơn	46/QĐ-SKHĐT; 21/3/2023	11.027	3.782	0,000	2.058,000	2.058,000	Thanh toán KLHT
4	8012818 - Tuyến đường tránh qua Nhơn Lý	BQL KKT tỉnh	61/QĐ-BQL ngày 13/3/2023	100.812	100.812	1.600,000	486,782	2.086,782	Thanh toán CBĐT và TK DV/TC Dự toán
B	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT								
	Điều chỉnh giảm						-17.035,768		
1	2232507 - Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Cát Minh	UBND huyện Phù Cát				50,000	-50,000	0,000	
2	3027558 - Xây dựng mới Trạm y tế phường Nhơn Hưng	UBND tx An Nhơn		5.515	1.773	360,000	-360,000	0,000	
3	3027559 - Xây dựng mới Trạm y tế xã Nhơn Hậu	UBND tx An Nhơn		5.954	1.800	360,000	-360,000	0,000	
4	3027560 - Trường Tiểu học Nhơn Phúc: Nhà 02 tầng 06 phòng - Điểm chính Mỹ Thạnh	UBND tx An Nhơn		5.865	1.000	180,000	-180,000	0,000	
5	3027561 - Trường Tiểu học số 1 Nhơn Hòa: Nhà 02 tầng 06	UBND tx An Nhơn		7.047	933	180,000	-180,000	0,000	
6	3027562 - Trường Tiểu học Nhơn Mỹ: Nhà 02 tầng 06 phòng -	UBND tx An Nhơn		6.990	1.000	180,000	-180,000	0,000	
7	3027563 - Trường Tiểu học Nhơn Hạnh: Phân hiệu Thanh Mai	UBND tx An Nhơn		4.056	833	180,000	-180,000	0,000	
8	3027564 - Trường Tiểu học số 1 Nhơn Thành: Phân hiệu Tiên Hội	UBND tx An Nhơn		7.935	1.000	180,000	-180,000	0,000	
9	3027571 - Trường THCS Tam Quan, HM: Nhà hiệu bộ	UBND tx Hoài Nhơn		5.389	1.400	210,000	-210,000	0,000	
10	3027572 - Trường MN Bồng Sơn (HM: Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng; Nhà hiệu bộ 06 phòng)	UBND tx Hoài Nhơn				900,000	-900,000	0,000	
11	3027573 - Trường TH số 1 Hoài Mỹ, HM: Nhà lớp học, nhà bộ	UBND tx Hoài Nhơn		8.427	2.520	390,000	-390,000	0,000	
12	3027574 - Trường Mẫu giáo Mỹ Thắng, hạng mục 04 phòng học và 02 phòng chức năng	UBND huyện Phù Mỹ		7.651	2.667	420,000	-420,000	0,000	
13	3027575 - Trường Mẫu giáo Mỹ Chánh Tây, hạng mục: 01 phòng đa chức năng; khối hành chính, quản trị và khối phụ trợ	UBND huyện Phù Mỹ		4.958	1.933	300,000	-300,000	0,000	
14	3027576 - Trường tiểu học số 2 Mỹ Thắng, hạng mục: 06 phòng bộ môn	UBND huyện Phù Mỹ		5.913	2.482	390,000	-390,000	0,000	

STT	Nguồn vốn/ Dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Điều chỉnh: Tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn NST				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	(11)
15	3027577 - Trường tiểu học Mỹ Lộc, hạng mục: 06 phòng bộ	UBND huyện Phù Mỹ		5.907	2.482	390,000	-390,000	0,000	
16	3027578 - Trường MN Canh Thuận (Hạng mục: 02 phòng học; nhà bếp, nhà ăn; nhà hiệu bộ; nhà chức năng; nhà trường trực)	UBND huyện Vân Canh				300,000	-300,000	0,000	
17	3027579 - Trường TH số 1 Canh Vinh; Hạng mục: 06 phòng học	UBND huyện Vân Canh		6.114	3.240	600,000	-600,000	0,000	
18	3027580 - Xây dựng mới Trạm y tế phường Hoài Hương	UBND tx Hoài Nhơn		5.000	1.730	360,000	-360,000	0,000	
19	3027581 - Xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Phù Mỹ	UBND huyện Phù Mỹ		3.756	1.597	480,000	-480,000	0,000	
20	3027582 - Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Đức	UBND huyện Phù Mỹ		4.248	675	180,000	-180,000	0,000	
21	3027583 - Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Thành	UBND huyện Phù Mỹ		5.905	675	180,000	-180,000	0,000	
22	3027584 - Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Thắng	UBND huyện Phù Mỹ		4.567	675	180,000	-180,000	0,000	
23	3027585 - Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Hòa	UBND huyện Phù Mỹ		4.408	675	180,000	-180,000	0,000	
24	3027586 - Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Canh Hiền	UBND huyện Vân Canh		1.192	895	300,000	-300,000	0,000	
25	3027587 - Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Canh Thuận	UBND huyện Vân Canh		1.209	897	300,000	-300,000	0,000	
26	3027626 - Cải tạo, NC Trạm y tế phường Nhơn Phú	UBND tp Quy Nhơn				40,000	-40,000	0,000	
27	3027627 - Cải tạo, NC Trạm y tế phường Trần Quang Diệu	UBND tp Quy Nhơn				40,000	-40,000	0,000	
28	3450621 - Trường TH số 2 Phước Thành: Xây dựng bổ sung 2T6P (05 phòng chức năng + 01 phòng học) điểm chính	UBND huyện Tuy Phước		6.194	2.000	360,000	-360,000	0,000	
29	3450622 - Trường TH số 1 Phước An: Xây dựng bổ sung thêm 2T6P (03 phòng chức năng + 03 phòng học) tại điểm An Hoà	UBND huyện Tuy Phước		3.815	1.602	360,000	-360,000	0,000	
30	3450623 - Trường MN thị trấn Diêu Trì: Xây dựng bổ sung 2T4P (02 phòng chức năng+02 phòng học) tại điểm chính	UBND huyện Tuy Phước		5.538	1.333	240,000	-240,000	0,000	
31	3450624 - Trường MN Phước Lộc: Xây dựng bổ sung 2T4P (02 phòng học nhập điểm + 01 phòng học nhóm trẻ + 01 phòng chức năng) tại điểm phụ Đại Tín	UBND huyện Tuy Phước		4.112	1.333	240,000	-240,000	0,000	
32	3450629 - Xây dựng mới trạm y tế thị trấn Tuy Phước	UBND huyện Tuy Phước		4.932	2.077	540,000	-540,000	0,000	
33	7663556 - HTKT Phân khu 08 thuộc khu du lịch sinh thái Nhơn Hội	BQL KKT tỉnh		149.627	149.627	821,791	-725,522	96,269	
34	7750469 - NLV BCH quân sự xã Mỹ Chánh	UBND huyện Phù Mỹ				5,782	-5,782	0,000	
35	7756500 - Trường Mẫu giáo xã Canh Hiền	UBND huyện Vân Canh				19,980	-19,980	0,000	
36	7789997 - NLV BCH quân sự xã Phước Nghĩa	UBND huyện Tuy Phước				10,120	-10,120	0,000	
37	7888409 - Xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở TN&MT				78,000	-78,000	0,000	

STT	Nguồn vốn/ Dự án	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2023	Điều chỉnh: Tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó vốn NST				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)	(11)
38	7359296 - Phục hồi và QL bền vững rừng phòng hộ (DA JICA2) BD	Sở NN&PTNT				300,000	-253,264	46,736	
39	8031812 - Trường MG Cát Tường (HM: Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng + 02 phòng chức năng dọn các điểm trường lẻ về điểm trường Phú Gia)	UBND huyện Phú Cát		13.492	4.542	750,000	-750,000	0,000	
40	8031813 - Trường THCS Cát Hanh (HM: Xây dựng bổ sung 06 phòng bộ môn)	UBND huyện Phú Cát		6.970	2.865	450,000	-450,000	0,000	
41	8039191 - Xây dựng mới Trạm Y tế xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn	UBND tp Quy Nhơn		8.430	1.350	360,000	-360,000	0,000	
42	9000217 - Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước huyện Vĩnh Thạnh	UBND huyện Vĩnh Thạnh		25.000	18.738	900,000	-900,000	0,000	
43	9000220 - Trường THCS thị trấn Vĩnh Thạnh: Xây dựng 08 phòng bộ môn, chức năng	UBND huyện Vĩnh Thạnh		8.803	4.596	750,000	-750,000	0,000	
44	9000221 - Trường MN thị trấn Vĩnh Thạnh (Điểm trường chính): Xây dựng 01 phòng đa năng, 01 phòng tin học	UBND huyện Vĩnh Thạnh		3.393	1.298	240,000	-240,000	0,000	
45	9000222 - Trường THCS Vĩnh Hảo: Xây dựng 05 phòng bộ môn, chức năng	UBND huyện Vĩnh Thạnh		7.283	2.873	510,000	-510,000	0,000	
46	9000226 - Xây dựng mới Trạm y tế xã Vĩnh Thịnh	UBND huyện Vĩnh Thạnh		8.422	4.050	900,000	-900,000	0,000	
47	9000227 - Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Vĩnh Kim	UBND huyện Vĩnh Thạnh		1.419	1.102	300,000	-300,000	0,000	
48	9000228 - Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Vĩnh Sơn	UBND huyện Vĩnh Thạnh				100,000	-100,000	0,000	
49	9000229 - Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Vĩnh Hảo	UBND huyện Vĩnh Thạnh		1.420	1.122	300,000	-300,000	0,000	
50	9302762 - Hiện đại hóa các trang TB phòng họp của VP UBND tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh	VP UBND tỉnh		10.000	10.000	833,100	-833,100	0,000	
Điều chỉnh tăng							17.035,768		
1	7897473 - Tuyến Đường Kết Nối từ đường phía Tây tỉnh(ĐT 638) đến đường ven biển (ĐT 639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	Ban QLDA Giao thông tỉnh	4093/QĐ-UBND; 06/10/2021 3396/QĐ-UBND; 19/10/2022	818.593	418.593	90.165,000	7.035,768	97.200,768	Thanh toán KLHT
2	7909069 - Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân	Ban QLDA Giao thông tỉnh	3728/QĐ-UBND; 08/9/2021	2.674.648	874.648	50.000,000	10.000,000	60.000,000	Thanh toán KLHT